

CHƯƠNG III: THỜI KỲ KHỦNG HOẢNG CỦA CHẾ ĐỘ PHONG KIẾN ĐẠI VIỆT

(Từ đầu thế kỷ XVI đến nửa sau thế kỷ XVIII)

I. Thời kỳ Lê – Mạc và nội chiến Nam – Bắc triều

Đầu thế kỷ 16, triều Lê bắt đầu suy yếu. Vua, quan suy đồi, bắt đầu từ đời Hiến Tông. Lê Uy Mục và Lê Tương Dực là những ông vua sa đọa, bệnh hoạn. Nạn chiếm đoạt ruộng đất của địa chủ gia tăng. Mâu thuẫn giai cấp giữa nông dân và địa chủ phong kiến trở nên sâu sắc. Khởi nghĩa nông dân lan rộng. Trong khi chính quyền trung ương suy yếu thì nhiều phe phái phong kiến đã mạnh lên: phái Trịnh Tuy và phái Nguyễn Hoàng Dụ.

Trong bối cảnh hỗn loạn cuối triều Lê sơ, thời Chiêu Tông, một phe phái phong kiến do Mạc Đăng Dung cầm đầu đã trỗi dậy, phế truất Vua Lê (Cung Hoàng), lập ra nhà Mạc (năm 1527).

Mạc Đăng Dung sinh ngày 23-11-1483, người làng Cổ Trai (Nghị Dương - Hải Hưng), vốn là dòng dõi Mạc Đình Chi đời Trần.

Triều Mạc ra đời trong bối cảnh gặp sự chống đối mạnh mẽ của cựu thần triều Lê nên chỗ dựa chủ yếu là quân sĩ. Chính vì thế, triều Mạc tích cực tổ chức Khoa thi để bổ sung bộ máy quan liêu.

Nhà Mạc đã thành lập, nhưng sự tranh chấp của các thế lực phong kiến vẫn tiếp diễn. Một nhân vật là Nguyễn Kim, con của Nguyễn Hoàng Dụ đã chiếm giữ vùng Thanh Hóa, lấy danh nghĩa phù Lê, tôn một người Hoàng tộc là Lê Duy Ninh lên làm vua, chống đối nhà Mạc. Lịch sử thường gọi nhà Mạc đóng đô ở Thăng Long là Bắc Triều và nhà Lê - mà thực chất quyền hành từ năm 1545 đã lọt vào tay Trịnh Kiểm (con rể Nguyễn Kim)- là Nam Triều, tức triều Lê Trung Hưng.

Cuộc nội chiến Nam- Bắc triều dẫn đến tình trạng đất nước bị khủng hoảng trong hơn nửa thế kỷ. Nhà Mạc thậm chí đã đầu hàng nhà Minh, đem dâng một phần đất đai phía Bắc của tổ quốc cho ngoại bang.

Cuộc nội chiến Nam - Bắc triều kéo dài từ năm 1539 đến năm 1592 mới cơ bản kết thúc bằng sự thắng lợi của họ Trịnh. Tuy vậy, tàn quân của nhà Mạc vẫn còn cố thủ ở Cao Bằng và cuộc xung đột Trịnh - Mạc còn kéo dài đến cuối thế kỷ 17.

-Thế thứ thời cường thịnh của triều Mạc

1. Mạc Thái Tổ (1527 – 1529); họ, tên : Mạc Đăng Dung, sinh năm Quý Mão (1483)

2. *Mạc Thái Tông (1530 – 1540); họ, tên : Mạc Đăng Doanh.*
3. *Mạc Hiến Tông (1540 – 1546); họ, tên : Mạc Phúc Hải.*
4. *Mạc Tuyên Tông (1546 – 1561); họ, tên : Mạc Phúc Nguyên.*
5. *Mạc Mậu Hợp (1562 – 1592)*

-Thế thứ thời suy tàn của nhà Mạc

1. *Mạc Toàn (1592 – 1593)*
2. *Mạc Kính Chỉ (1592 – 1593)*
3. *Mạc Kính Cung (1593 – 1625)*
4. *Mạc Kính Khoan (1623 – 1638)*
5. *Mạc Kính Vũ (1638 – 1677).*

II. Nội chiến Trịnh - Nguyễn và cục diện chia cắt Đàng Trong - Đàng Ngoài

Sau khi nhà Mạc bị đánh đổ, nguy cơ nội chiến vẫn tiềm tàng bởi sự hình thành một vùng cát cứ mới ở xứ Thuận - Quảng (Bình-Trị-Thiên và Quảng Nam) của Nguyễn Hoàng, con thứ hai của Nguyễn Kim.

Từ khi Nguyễn Kim bị ám sát (1545), nội bộ Nam triều bắt đầu chia rẽ. Quyền hành ở Nam Triều lọt vào tay Trịnh Kiểm. Trịnh Kiểm âm mưu loại trừ thế lực họ Nguyễn, giành quyền thế tập.

Trước tình hình đó, Nguyễn Hoàng vận động xin vào trấn thủ vùng Thuận - Quảng từ năm 1558, thực chất để tránh sự kiểm soát của họ Trịnh. Đến năm 1614, họ Nguyễn đã xây dựng được thế lực, chính thức li khai khỏi chính quyền họ Trịnh. Quan hệ của hai tập đoàn phong kiến càng ngày càng gay gắt dẫn đến cuộc nội chiến Trịnh - Nguyễn bùng nổ năm 1627 và kéo dài gần nửa thế kỷ (1627 - 1672).

Sau bảy lần giao tranh bất phân thắng bại vào các năm 1627, 1630, 1643, 1648, 1655, 1661 và 1672, họ Trịnh và họ Nguyễn đi đến giảng hòa, lấy sông Linh Giang (sông Gianh) làm giới tuyến. Phía bắc sông Gianh là phần đất thuộc họ Trịnh, lịch sử gọi là Đàng Ngoài. Phía nam sông Gianh gọi là đất Đàng Trong, thuộc chúa Nguyễn.

Cả hai tập đoàn phong kiến cùng âm mưu củng cố thế lực của mình nhằm biến hai miền thành hai quốc gia riêng biệt.

Như vậy là, tiếp theo sau sự suy yếu của triều Lê, các cuộc thoán đoạt, cát cứ và xung đột giữa các phe phái phong kiến diễn ra liên miên. Đây chính là biểu hiện của sự khủng hoảng của chế độ phong kiến Việt Nam từ thế kỷ 16 đến thế kỷ 18.

III. Công cuộc khai phá vùng đất đàng Trong

Cho đến thế kỷ XVI, vùng Thuận - Quảng còn rất hoang vắng. Từ rất sớm, dân nghèo các tỉnh phía bắc đã di cư vào đây sinh sống, làm ăn. Những lớp dân di cư này lập ra nhiều xóm làng, bên cạnh các đồn điền của nhà nước phong kiến.

Sau khi được cử trấn trị vùng này, họ Nguyễn đã có mưu đồ cát cứ lâu dài. Do các cuộc nội chiến, nhân dân lưu tán, làn sóng di cư từ phía Bắc vào ngày càng lớn. Họ Nguyễn lợi dụng thành quả khai khẩn của lớp người này bằng cách đề ra chính sách “khẩn hoang, lập làng”. Ruộng đất mới khai phá được sung làm ruộng công của làng xã, đặt dưới quyền sở hữu tối cao của chúa Nguyễn.

Cuối thế kỷ 18, diện tích ruộng canh tác ở Thuận - Quảng tăng lên 265.507 mẫu. Đất Thuận - Quảng dần dần trở thành một vùng trù phú.

Mặt khác, nhân sự suy yếu của Vương quốc Chăm Pa, chúa Nguyễn dần dần lấn chiếm các vùng Phú Yên(1611), Khánh Hòa, Phan Rang(1653). Đến năm 1693, Họ Nguyễn chiếm Bình Thuận, Vương quốc ChămPa từ đó không còn tên trên bản đồ nữa.

Nhân dân Chăm đã nhiều lần sát cánh với nhân dân ở Đàng Trong chống lại bọn thống trị triều Nguyễn. Trải qua các biến động lịch sử, người Chăm đã trở thành một bộ phận của đại gia đình các dân tộc Việt nam.

Đối với Chân Lạp, chúa Nguyễn cũng thi hành chính sách xâm lấn. Năm 1698, lãnh thổ xứ Đàng trong đã mở rộng đến Gia Định. Đối với các vùng đất mới, chúa Nguyễn giao cho địa chủ vùng Thuận - Quảng chiêu mộ dân lưu tán khai khẩn và cấp cho làm ruộng tư. Bọn địa chủ dựa vào chính quyền chúa Nguyễn, không những bóc lột sức lao động của nông dân và nô tỳ mà còn trắng trợn chiếm đoạt cả ruộng đất của người Chăm, người Khơ Me và di dân cũ người Việt. Một tầng lớp đại địa chủ ở Nam Bộ ra đời. Thực chất chính sách khai hoang của họ Nguyễn giai đoạn này nhằm làm giàu cho giai cấp địa chủ và củng cố cơ sở xã hội. Chính vì vậy, bọn đại địa chủ Nam bộ là chỗ dựa trung thành của họ Nguyễn ở Đàng Trong.

Tình hình đó dẫn đến thực trạng, từ Phú Yên trở vào Nam, ruộng tư hữu chiếm tỷ lệ cao hơn ruộng công nhà nước.

IV. Tình hình chính trị - xã hội

ở Đàng Trong, từ năm 1614, Chúa Nguyễn Phúc Nguyên cải tổ lại chính quyền. Đơn vị hành chính Đàng Trong chia thành 12 dinh. Riêng Thừa Thiên gọi là Chính Dinh. Chính Dinh có Tam ti giúp việc. Dưới Dinh có phủ, huyện, tổng, xã.

ở Đàng Ngoài, bên cạnh triều đình vua Lê (bù nhìn), chúa Trịnh lập phủ Chúa, giúp việc có 6 phiên, trông coi mọi việc. Họ Trịnh duy trì một đội quân thường trực lớn gồm hai loại: quân túc vệ và ngoại binh. Đơn vị hành chính Đàng Ngoài chia thành các trấn, đứng đầu là trấn thủ, giúp việc có ti Hiến và ti Thừa.

Sự chiếm đoạt và tập trung ruộng đất của giai cấp địa chủ, sự bóc lột thâm tệ của nhà nước phong kiến, sự sa đọa của bộ máy thống trị là những nguyên nhân chính dẫn đến sự suy vong của chế độ phong kiến Việt Nam thế kỷ 18. Ở Đàng Trong, tình hình tạm thời ổn định hơn nhưng sự tập trung ruộng đất của địa chủ cũng diễn ra rất mạnh mẽ. Ở Đàng Ngoài, do hậu quả của chiến tranh, nhân dân chịu gánh nặng lao dịch, lại thêm tô thuế nặng nề và nạn cường hào nên đời sống khổ cực. Số dân phiêu bạt ngày càng lớn.

Những tệ nạn này làm cho mâu thuẫn giữa nông dân và địa chủ phong kiến trở nên gay gắt. Ngoài ra, phải kể đến mâu thuẫn của tầng lớp thương nhân, thợ thủ công, nhân dân các dân tộc thiểu số với chính quyền cai trị.

Những mâu thuẫn đó đã làm bùng nổ phong trào đấu tranh của nhân dân đầu thế kỷ 18.

Ở Đàng Ngoài, có một số cuộc khởi nghĩa lớn của Nguyễn Danh Phương (1740), Nguyễn Hữu Cầu (1741), Nguyễn Dương Hưng (1737), Hoàng Công Chất (1739). Đáng chú ý nhất là cuộc khởi nghĩa của Lê Duy Mật (1738) có qui mô lớn, rộng hơn cả.

Ở Đàng Trong, ngoài một số cuộc khởi nghĩa nhỏ của thương nhân, Hoa Kiều, người Chăm, người Khơ-me, đáng chú ý có cuộc khởi nghĩa của Lía ở Qui Nhơn.

Tất cả các cuộc khởi nghĩa nửa đầu thế kỷ 18 đều thất bại. Phong trào nổ ra tuy rầm rộ - nhất là ở Đàng Ngoài- nhưng tự phát, rời rạc, phân tán ở từng địa phương, chưa đạt tới sự lãnh đạo thống nhất. Mặt khác, chính quyền Trịnh-Nguyễn tuy thối nát nhưng lực lượng quân sự còn khá mạnh, đủ sức để đàn áp từng cuộc khởi nghĩa.

Phong trào đấu tranh nông dân tuy bị dập tắt nhưng nó là khúc nhạc mở màn cho một cuộc chiến tranh nông dân to lớn nhất trong lịch sử nước ta - phong trào nông dân Tây Sơn.

V. Tình hình Kinh tế – văn hóa

Cuối thế kỷ thứ 18, trên nền tảng nền kinh tế tự nhiên, kinh tế kinh tế hàng hóa đã có bước phát triển. Mạng lưới chợ quê phổ biến ở nông thôn đóng vai trò là những trung tâm trao đổi, buôn bán. Ngoài hình thức trao đổi trực tiếp giữa

người sản xuất, đã xuất hiện tầng lớp thương nhân, hoạt động đôi khi vượt giới hạn địa phương.

Hoạt động buôn bán giữa các miền xuất hiện. Phương tiện vận chuyển thời đó khá thô sơ, chủ yếu dựa vào đường thủy. Tiền tệ được lưu hành phổ biến, vàng, bạc cũng được sử dụng trong thương mại.

Quan hệ sản xuất hàng hóa - tiền tệ đã thúc đẩy việc mở rộng thị trường địa phương, dần dần hình thành thị trường cả nước. Một số thành thị trở nên sầm uất như Thăng Long, Phố Hiến, Hội An, Gia Định.

Phần tô thuế thu bằng tiền ngày càng lớn. Tô tiền lôi kéo người nông dân vào quỹ đạo của kinh tế hàng hóa, đẩy phần đông trong số họ bước nhanh vào con đường bán cùng hóa. Tầng lớp thương nhân và cho vay nặng lãi trở nên đông đảo. Hình thức bao mua đã xuất hiện. Dấu hiệu của mầm mống tư bản chủ nghĩa đã ra đời tuy còn lẻ tẻ, chưa trở thành một thành phần kinh tế độc lập. Mầm mống đó chưa đủ sức tạo ra một quan hệ sản xuất mới nhưng kết hợp với nhiều nhân tố khác, báo trước sự suy vong của chế độ phong kiến Việt Nam.

Về phương diện ý thức hệ, từ thế kỷ 15, Nho giáo vẫn chiếm địa vị thống trị trong xã hội. Trong giai đoạn này, một tôn giáo mới truyền bá vào nước ta, đó là Đạo Thiên Chúa. Đạo Thiên Chúa du nhập vào nước ta trước hết do hoạt động của các giáo sĩ Bồ Đào Nha, sau đó là các giáo sĩ người Pháp.

Hoạt động truyền đạo của các giáo sĩ nhằm mục đích mở đường cho sự xâm lược của chủ nghĩa tư bản phương Tây. Trong quá trình truyền đạo, các giáo sĩ phương Tây phải học tiếng Việt và họ đã dùng chữ cái La Tinh để ghi âm tiếng Việt. Dần dần họ đã chinh lý thành một hệ thống kí hiệu ghi âm thống nhất. Giữa thế kỷ 16, một cố đạo người Pháp tên là Alexandre de Rhodes xuất bản ở Rome một cuốn từ điển Việt - Bồ - Latinh. Đó là một đóng góp lớn cho sự ra đời của chữ quốc ngữ. Chữ quốc ngữ ra đời do nhu cầu của việc truyền đạo nên lúc đầu chỉ được lưu hành hạn chế trong giới hành đạo. Đạo Thiên Chúa mặc dù bị cấm vẫn tiếp tục phát triển, số giáo dân ngày càng tăng lên.

Sang thế kỷ 18, cùng với sự suy vong của chế độ phong kiến, ý thức hệ Nho giáo bắt đầu rạn nứt, Phật giáo và Đạo giáo được phục hồi.

Giáo dục, khoa cử thời kỳ này vẫn theo lối học cử nghiệp. Nội dung học nghèo nàn xoay quanh mấy bộ Tứ thư, Ngũ kinh, chú trọng hình thức. Qui chế thi cử gò bó, tiêu cực. Tệ mua quan bán tước trở nên phổ biến.

Tầng lớp trí thức lúc này bày tỏ sự bất mãn với chính quyền phong kiến thông qua các sáng tác mang màu sắc thoát tục. Nghệ thuật thế kỷ 17-18 mang đậm chất dân gian cổ truyền. Kiến trúc, điêu khắc thời Lê - Mạc có bố cục tự do phóng khoáng, lấy đề tài từ cuộc sống bình dị của nhân dân lao động.

-Thế thứ các đời chúa Trịnh

1. *Trịnh Kiểm (1545 – 1569)*
2. *Trịnh Cối (1569 – 1570)*
3. *Trịnh Tùng (1570 – 1623)*
4. *Trịnh Kiểm (1623 – 1657)*
5. *Trịnh Tạc (1657 – 1682)*
6. *Trịnh Căn (1682 – 1709)*
7. *Trịnh Bách (1684)*
8. *Trịnh Bính (1688)*
9. *Trịnh Cương (1709 – 1729)*
10. *Trịnh Giang (1729 – 1740)*
11. *Trịnh Doanh (1740 – 1767)*
12. *Trịnh Sâm (1767 – 1782)*
13. *Trịnh Cán (1782)*
14. *Trịnh Khải (1782 - 1786)*
15. *Trịnh Bồng (1786)*

-Thế thứ các đời chúa Nguyễn

1. *Nguyễn Hoàng (1558 – 1613); sinh vào tháng 8 năm Ất Dậu (1525)*
2. *Nguyễn Phúc Nguyên (1613 - 1635); sinh vào tháng 7 năm Quý Hợi (1563)*
3. *Nguyễn Phúc Lan (1635 – 1648); sinh vào tháng 7 năm Tân Sửu (1601)*
4. *Nguyễn Phúc Tần (1648 – 1687); sinh vào tháng 6 năm Canh Thân (1620)*
5. *Nguyễn Phúc Trăn (1687 – 1691); sinh vào tháng 12 năm Kỷ Sửu (1649)*
6. *Nguyễn Phúc Chu (1691 – 1725); sinh vào tháng 5 năm Ất Mão (1675)*
7. *Nguyễn Phúc Chú (1725 – 1738); sinh vào tháng 12 năm Bính Tí (1696)*

8. Nguyễn Phúc Khoát (1738 – 1765); sinh vào tháng 8 năm Giáp Ngọ (1714)
9. Nguyễn Phúc Thuần (1765 – 1777); sinh vào tháng 11 năm Giáp Tuất (1754).

Tailieu.vn